

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 27-4- 2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Duy Diên

2. Bà Trần Thị Nơi

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Bà Đào Duy Linh - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1992 (chị T bị câm điếc bẩm sinh).

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã H1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Đ1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- Người đại diện hợp pháp và người phiên dịch cho chị Lê Thị T: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1970 là mẹ đẻ chị T.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1988 (anh Q bị câm điếc bẩm sinh)

Địa chỉ: Thôn H, xã H1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- Người đại diện hợp pháp và người phiên dịch cho anh Nguyễn Đức Q: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961 là bố đẻ anh Q

Địa chỉ: Thôn H, xã H1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

(Chị T, bà Ni, anh Q và ông H đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 02-2-2020, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức Q kết hôn cùng nhau do tự nguyện tìm hiểu (cả hai bên đều bị câm điếc bẩm sinh, đều được học qua trường khuyết tật) và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã H1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 14-9-2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, không bao ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày. Mâu thuẫn trầm trọng, đôi bên không khắc phục được đã sống ly thân từ cuối tháng 01 năm 2020 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về nuôi con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 05-6-2018, hiện do chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Bích N và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về chia tài sản chung: Chị và anh Q không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 28- 02-2020, bị đơn anh Nguyễn Đức Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T kết hôn cùng nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 14-9-2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau về nơi ăn chốn ở nên dẫn đến vợ chồng không hòa hợp, đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T vẫn còn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh về đoàn tụ, nếu chị T vẫn cương quyết ly hôn thì anh nhất trí ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh và chị T có một con chung là Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 05-6-2018, hiện do chị T nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh nhường chị T nuôi con và không góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

Về chia tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát sự tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức Q; về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày

05-6-2018 cho chị T nuôi dưỡng, anh Q không phải góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị T; về chia tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết; về án phí: Chị T là người khuyết tật nên được miễn tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Đức Q, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Nguyên đơn và bị đơn, người đại diện hợp pháp đồng thời là người phiên dịch cho nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T kết hôn với anh Nguyễn Đức Q tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 14-9-2015, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, đôi bên không khắc phục được và đã ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung là Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 05-6-2018, chị T và anh Q đều thống nhất để chị T trực tiếp nuôi con chung, anh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị T, hơn nữa con chung còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ nên cần giao con chung Nguyễn Thị Bích N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về chia tài sản chung: Chị T và anh Q đều trình bày không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T là người khuyết tật nên được miễn tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Đức Q.

2. *Về nuôi con chung*: Xử giao cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 05-6-2018. Anh Nguyễn Đức Q không phải thực hiện trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Không có.

4. *Về án phí*: Miễn tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị Lê Thị T.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Lê Thị T, anh Nguyễn Đức Q, bà Vũ Thị N và ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã H1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bích Thủy

